

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Số: 57 /TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hóa, ngày 18 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH

**Về việc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý,
sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc
phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUY ĐỊNH

Thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03/6/2008, Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp thứ 14 đã ban hành Nghị quyết số 141/2009/NQ-HĐND ngày 16/12/2009, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4540/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Trong thời gian qua (từ ngày 01/01/2010 đến 31/12/2017) các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã cơ bản thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng tài sản công, xử lý tài sản công giao cho đơn vị theo thẩm quyền được phân cấp theo quy định trên. Tuy nhiên, công tác quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh cũng còn có tồn tại, hạn chế như: Về nhận thức, một số địa phương, đơn vị vẫn chưa coi tài sản công (nhất là đất đai) là một nguồn lực tài chính quan trọng, cơ chế phát huy nguồn lực tài chính từ quản lý, sử dụng tài sản công còn hạn chế, quy định thiếu đồng bộ; vẫn còn tình trạng quyết định phê duyệt đầu tư, mua sắm, điều chuyển tài sản chưa đúng thẩm quyền, vượt tiêu chuẩn, định mức và mức giá cho phép, sử dụng tài sản công sai mục đích, lãng phí (nhất là cơ sở nhà, đất trụ sở làm việc); một số đơn vị không xây dựng được quy chế quản lý, sử dụng tài sản tại đơn vị theo quy định, xử lý tài sản chưa đúng quy trình; cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp tỉnh, huyện chưa được chú trọng kiện toàn, tổ chức quy trình nghiệp vụ chưa khoa học. Có nguyên nhân do quy định pháp luật về quản lý tài sản công ở một số lĩnh vực chưa đủ, thiếu đồng bộ, chưa điều chỉnh bao quát hết các quan hệ về tài sản trong nền kinh tế thị trường, tính pháp lý chưa cao.

Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017: “*Căn cứ quy định của Luật này, phân cấp của Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định trong*

việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương” và từ thực tế công tác quản lý tài sản công tại địa phương nêu trên, việc ban hành quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh là đúng quy định và cần thiết, đáp ứng yêu cầu chỉ đạo nâng cao hiệu quả khai thác nguồn lực tài chính trong quản lý, sử dụng tài sản công của tỉnh.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;
- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;
- Công văn số 14735/BTC-QLCS ngày 31/10/2017 và Công văn số 2030/BTC-QLCS ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính về việc triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

III. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT BAN HÀNH QUY ĐỊNH

1. Nguyên tắc xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa (Nghị quyết)

- Kế thừa những quy định còn phù hợp tại Nghị quyết số 141/2009/NQ-HĐND ngày 16/12/2009 của HĐND tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.
- Bổ sung các nội dung theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 để đảm bảo bao quát đầy đủ các lĩnh vực phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công.
- Tăng cường phân cấp cho đơn vị trực thuộc, đặc biệt là các đơn vị sự nghiệp có thu.

2. Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Nghị quyết gồm 14 Điều, trong đó từ Điều 1 đến Điều 12 quy định cụ thể như sau:

“Điều 1. Phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hoá.

(Theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam: “Văn phòng huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện.”).

Điều 2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (Chính phủ phân cấp cho HĐND cấp tỉnh ban hành quy định cụ thể tại điểm b khoản 2 Điều 3 và điểm b khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP)

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công đối với:

- Tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất);
- Tài sản là xe ô tô, phương tiện vận tải khác;

- Tài sản là máy móc, trang thiết bị và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý;

b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định mua sắm máy móc, trang thiết bị và các tài sản khác có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc (trừ điểm a Điều này);

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm máy móc, trang thiết bị và các tài sản khác có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý (trừ điểm a Điều này);

d) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ điểm a Điều này);

đ) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ điểm a Điều này);

e) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập:

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập chưa đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô

tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp về sự phù hợp tiêu chuẩn, định mức và nguồn vốn mua sắm.

- Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (Chính phủ phân cấp cho HĐND cấp tỉnh ban hành quy định cụ thể tại điểm b, khoản 1 Điều 4; điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP)

1. Thẩm quyền quyết định thuê xe ô tô, phương tiện vận tải khác; trụ sở làm việc và cơ sở hoạt động sự nghiệp

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc và cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô, phương tiện vận tải khác đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương (bao gồm các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc).

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê trụ sở làm việc và cơ sở hoạt động sự nghiệp đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện; đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý.

2. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản khác

a) Trường hợp thuê tài sản được chi trả bằng nguồn kinh phí trong định mức chi thường xuyên (kinh phí khoán chi) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thì do thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, chế độ hiện hành.

b) Trường hợp thuê tài sản phải chi trả bằng nguồn kinh phí ngoài định mức chi thường xuyên (ngoài kinh phí khoán chi) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của ngân sách cấp nào thì do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp đó quyết định.

c) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập chưa đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thuê tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp về sự phù hợp tiêu chuẩn, định mức và nguồn vốn để thuê.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công *(Chính phủ phân cấp cho HĐND cấp tỉnh ban hành quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 17 và khoản 2 Điều 48 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP)*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý đối với: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm đất, tài sản là nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất); xe ô tô, phương tiện vận tải khác; tài sản công khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương (bao gồm các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc).

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định thu hồi đối với tài sản công của đơn vị mình và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc (trừ tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này).

Điều 5. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công *(Chính phủ phân cấp cho HĐND cấp tỉnh ban hành quy định cụ thể tại điểm c khoản 1 Điều 20 và khoản 2 Điều 49 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP)*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm đất, tài sản là nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất); xe ô tô, phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị, các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh quản lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công (trừ tài sản công quy định tại khoản 1 điều này) giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (bao gồm cả đơn vị trực thuộc các cơ quan cấp tỉnh), giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này).

Điều 6. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công *(Chính phủ phân cấp cho HĐND cấp tỉnh ban hành quy định cụ thể tại điểm d khoản 2 Điều 22 và khoản 2 Điều 50 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP)*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm đất, tài sản là nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất); xe ô tô, phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị và các tài sản

khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định bán tài sản của đơn vị mình và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc (trừ tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện và của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này).

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công (*Chính phủ phân cấp cho HĐND cấp tỉnh ban hành quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 28; khoản 2 Điều 51 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP*)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản là xe ô tô, phương tiện vận tải khác; nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (trừ trường hợp phải phá dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt); tài sản là máy móc, thiết bị và tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản là nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, các công trình xây dựng phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư, xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch, dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các tài sản công thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm theo phân cấp đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm của mình theo phân cấp.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công (*Chính phủ phân cấp cho HĐND cấp tỉnh ban hành quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 32 và khoản 1 Điều 52 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP*)

1. Đối với tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tiêu hủy: Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định mua sắm thì cơ quan, người có thẩm quyền đó ra quyết định tiêu hủy.

2. Đối với tài sản bị tịch thu phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật: Thực hiện theo các văn bản pháp luật chuyên ngành và các văn bản quy định có liên quan.

Điều 9. Thẩm quyền xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại *(Chính phủ phân cấp cho HĐND cấp tỉnh ban hành quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 34; khoản 2 Điều 53 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP)*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất, xe ô tô, phương tiện vận tải khác và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của đơn vị mình và cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc (trừ tài sản được quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này).

Điều 10. Thẩm quyền phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của dự án sử dụng vốn Nhà nước *(Chính phủ phân cấp cho HĐND cấp tỉnh ban hành quy định cụ thể tại điểm b khoản 2 Điều 92 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP)*

Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thành lập Ban Quản lý dự án quyết định phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của mình; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Điều 11. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân *(Chính phủ phân cấp cho HĐND cấp tỉnh ban hành quy định cụ thể tại điểm c của các khoản: 1, 2, 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP)*

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất, xe ô tô, phương tiện vận tải khác và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc địa phương quyết định tịch thu (trừ điểm a khoản 1 Điều này).

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu như sau:

a) Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu ở cấp tỉnh đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô, phương tiện vận tải khác và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu ở cấp tỉnh đối với các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản ở cấp huyện đối với các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này.

3. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế, hàng hóa tồn đọng như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô, phương tiện vận tải khác và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc điều chuyển giữa các ngành và các huyện.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản còn lại (trừ tài sản thuộc điểm a khoản 3 Điều này).

Điều 12. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 141/2009/NQ-HĐND ngày 16/12/2009 của HĐND tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.”

(Có dự thảo Nghị quyết gửi kèm theo)

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên (để báo cáo);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC. (thht)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2018/NQ-HĐND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2018

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng
tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi
quản lý của tỉnh Thanh Hóa**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số.../BC-HĐND ngày .../7/2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hoá.

Điều 2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công đối với:

- Tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất);

- Tài sản là xe ô tô, phương tiện vận tải khác;

- Tài sản là máy móc, trang thiết bị và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý;

b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định mua sắm máy móc, trang thiết bị và các tài sản khác có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc (trừ Điểm a Điều này);

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm máy móc, trang thiết bị và các tài sản khác có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý (trừ Điểm a Điều này);

d) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ Điểm a Điều này);

đ) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ Điểm a Điều này);

e) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập:

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập chưa đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp về sự phù hợp tiêu chuẩn, định mức và nguồn vốn mua sắm.

- Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền

quyết định mua sắm tài sản thực hiện theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều này.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Thẩm quyền quyết định thuê xe ô tô, phương tiện vận tải khác; trụ sở làm việc và cơ sở hoạt động sự nghiệp

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc và cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô, phương tiện vận tải khác đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương (bao gồm các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc).

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê trụ sở làm việc và cơ sở hoạt động sự nghiệp đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện; đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý.

2. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản khác

a) Trường hợp thuê tài sản được chi trả bằng nguồn kinh phí trong định mức chi thường xuyên (kinh phí khoán chi) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thì do thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, chế độ hiện hành.

b) Trường hợp thuê tài sản phải chi trả bằng nguồn kinh phí ngoài định mức chi thường xuyên (ngoài kinh phí khoán chi) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của ngân sách cấp nào thì do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp đó quyết định.

c) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập chưa đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thuê tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp về sự phù hợp tiêu chuẩn, định mức và nguồn vốn để thuê.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản thực hiện theo quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều này.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý đối với: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất); xe ô tô, phương tiện vận tải khác; tài sản công khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương (bao gồm các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc).

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định thu hồi đối với tài sản công của đơn vị mình và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc (trừ tài sản công quy định tại Khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản công quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này).

Điều 5. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất); xe ô tô, phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị, các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh quản lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công (trừ tài sản công quy định tại Khoản 1 điều này) giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (bao gồm cả đơn vị trực thuộc các cơ quan cấp tỉnh), giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản công quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này).

Điều 6. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất); xe ô tô, phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định bán tài sản của đơn vị mình và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc (trừ tài sản công quy định tại Khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện và của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản công quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này).

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản là xe ô tô, phương tiện vận tải khác; nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (trừ trường hợp phải phá dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng đã

được cấp có thẩm quyền phê duyệt); tài sản là máy móc, thiết bị và tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản là nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, các công trình xây dựng phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư, xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch, dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các tài sản công thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm theo phân cấp đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm của mình theo phân cấp.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Đối với tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tiêu hủy: Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định mua sắm thì cơ quan, người có thẩm quyền đó ra quyết định tiêu hủy.

2. Đối với tài sản bị tịch thu phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật: Thực hiện theo các văn bản pháp luật chuyên ngành và các văn bản quy định có liên quan.

Điều 9. Thẩm quyền xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất, xe ô tô, phương tiện vận tải khác và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của đơn vị mình và cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc (trừ tài sản được quy định tại Khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản được quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này).

Điều 10. Thẩm quyền phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của dự án sử dụng vốn Nhà nước

Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thành lập Ban Quản lý dự án quyết định phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của mình; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Điều 11. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất, xe ô tô, phương tiện vận tải khác và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc địa phương quyết định tịch thu (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này).

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu như sau:

a) Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu ở cấp tỉnh đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô, phương tiện vận tải khác và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu ở cấp tỉnh đối với các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản ở cấp huyện đối với các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều này.

3. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế, hàng hóa tồn đọng như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô, phương tiện vận tải khác và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc điều chuyển giữa các ngành và các huyện.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản còn lại (trừ tài sản thuộc Điểm a Khoản 3 Điều này).

Điều 12. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 141/2009/NQ-HĐND ngày 16/12/2009 của HĐND tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ

chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 13. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 14. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày...tháng...năm 2018 và có hiệu lực từ ngày...tháng...năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đại biểu QH tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến